

Biểu số:
20a/TP/QLTLTS

Ban hành theo
Thông tư
17/2025/TT-BTP

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC sơ bộ năm:
Ngày 10 tháng 11
năm báo cáo
BC tròn năm:
Ngày 10 tháng 01
năm sau

**SỐ TỔ CHỨC VÀ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG**

QUẢN LÝ THANH LÝ TÀI SẢN
(Sơ bộ năm, tròn năm)

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:

Doanh nghiệp quản lý, thanh
lý tài sản/ Quản tài viên đăng
ký hành nghề cá nhân

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Tư pháp...

Số Chi nhánh của Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Chi nhánh)	Số Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Văn phòng)	Số Quản tài viên (Người)	Số vụ việc đã tiếp nhận (gồm kỳ trước chuyể n sang) (Vụ việc)	Hoạt động quản lý, thanh lý tài sản (Vụ việc)		Số tiền thù lao thu được (Đồng)	Số tiền nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (Đồng)
				Số vụ việc đã giải quyết xong	Số vụ việc đang giải quyết		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

- *Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân không phải ghi vào cột (1), (2), (3).*

**Ghi
chú:**

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
QUẢN TÀI VIÊN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ
CÁ NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 20a/TP/QLTLTS
(Số tổ chức và kết quả hoạt động quản lý thanh lý tài sản)

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Biểu 20a/TP/QLTLTS phản ánh số tổ chức và hoạt động quản lý thanh lý tài sản của tổ chức quản lý thanh lý tài sản/quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân trong kỳ báo cáo (sơ bộ năm, tròn năm) được sử dụng cho đơn vị báo cáo, gồm: Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân và Biểu này được gửi về Sở Tư pháp.

- Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bao gồm doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh.

- Quản tài viên là cá nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Phá sản số 51/2014/QH13 và là người có đủ tiêu chuẩn theo các quy định tại Điều 2, khoản 1 Điều 3, Điều 7 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

- Số vụ việc đã tiếp nhận là số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đã thông báo nhận tham gia giải quyết vụ việc phá sản sau khi được Thẩm phán chỉ định.

- Số vụ việc đã giải quyết xong là số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đã thực hiện xong việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp phá sản.

- Số vụ việc đang giải quyết là số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đang trong quá trình xử lý chưa có kết quả.

- Số tiền thù lao dịch vụ thu được là tổng mức thù lao mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân thu được theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.

- Số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính là số tiền doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân phải nộp theo quy định pháp luật (bao gồm số tiền nộp thuế của tổ chức và của các Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân).

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số Chi nhánh của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản.
- Cột 2: Ghi số Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản.
- * Số liệu từ cột 3 đến cột 8 bao gồm cả số liệu tại Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Tổ chức quản lý thanh lý tài sản (nếu có).
- Cột 3: Ghi số Quản tài viên của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản.
- Cột 4: Ghi số vụ việc tiếp nhận, gồm số vụ việc tiếp nhận trong kỳ báo cáo và số vụ việc đang giải quyết kỳ trước chuyển sang.
- Cột 4 = Cột (5 + 6)
- Cột 5: Ghi số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đã giải quyết xong. Số liệu tại cột 5 là một phần số liệu của cột 4.
- Cột 6: Ghi số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đang giải quyết. Số liệu tại cột 6 là một phần số liệu của cột 4.
- Cột 7: Ghi số tiền thù lao dịch vụ của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân thu được.
- Cột 8: Ghi số tiền thuế và nghĩa vụ tài chính mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân phải nộp.

3. Nguồn số liệu

Biểu 20a/TP/QLTLTS: Từ hồ sơ, sổ sách ghi chép của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản/quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân.